TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 10 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do.

Ông Lưu Thông.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Thạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị H (tên gọi khác: Không), Sinh ngày 25/8/1956 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có chồng tên Trần Duy T (đã chết) và có 03 người con (sinh năm 1990, 1991 và 1995); Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 05/3/2011, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị Cơ quan CSĐT công an huyện Đ khởi tố vụ án hình sự ngày 02/12/2011, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 15/12/2011 CSĐT công an huyện Đ ra quyết định truy nã. Ngày 12/4/2022 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Bị hại:**

Anh Đoàn Huy N, sinh năm: 1984. Trú tại: Thôn Đ, xã Trung C, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Duy T, sinh năm: 1990. Trú tại: Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Vũ Như H, sinh năm: 1988. Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1965. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Ông Tăng Văn S, sinh năm: 1965. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Ông N, sinh năm 1979. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Ông Đinh N, sinh năm: 1979. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Đ, sinh năm: 1962. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông P, sinh năm: 1956. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông M, sinh năm: 1951. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Ông Trần Khắc C, sinh năm: 1973. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Ông Trần Xuân S, sinh năm: 1971. Trú tại: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người phiên dịch**: Ông N. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 12/2006, Trần Thị H có nhận chuyển nhượng của ông P một thửa đất có diện tích (60 x 160)m, vị trí thửa đất tại làng Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai với số tiền 4.000.000 đồng. Trần Thị H đã trả cho ông P số tiền 2.500.000 đồng và còn nợ lại số tiền 1.500.000 đồng. Khi Trần Thị H đến canh tác hoa màu trên thửa đất này thì xảy ra tranh chấp với ông Đ vì ông Đ cho rằng đây là diện tích đất của gia đình ông nhận chuyển nhượng của bà R (đã chết). Sau đó, Trần Thị H mời ông P và ông Đđến giải quyết và làm rõ nguồn gốc thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của bà R nhưng bà R không sử dụng nên ông H (đã chết) có mượn thửa đất này để trồng hoa màu. Vào năm 1997, gia đình của ông H và con trai tên là N (đã chết) có mượn của ông P một bộ cồng chiêng nhưng không trả nên ông P tiến hành xiết nợ thửa đất trên của ông Ngao rồi thỏa thuận bán cho Trần Thị H. Khi lấy đất, ông N không nói cho ông P biết đây là diện tích đất gia đình mượn của bà R để trồng hoa màu và diện tích này hiện bà R đã chuyển nhượng lại cho ông Đ (Tuy

nhiên, tại giấy sang nhượng này lại thể hiện người bán đất là ông N và ông Đ là người chứng kiến).

Sau khi xác định rõ thửa đất trên là của ông Đưm nên Trần Thị H đã đề nghị chuyển nhượng thửa đất này và ông Đ đồng ý chuyển nhượng với số tiền 20.000.000 đồng. Ông Đ đã viết viết giấy tay sang nhượng thửa đất cho Trần Thị H có ông Trần Khắc C là người chứng kiến. Lúc này, Trần Thị H mới trả cho ông Đsố tiền 10.000.000 đồng và nợ số tiền còn lại. Mặt khác lúc này do các bên không tiến hành hủy bỏ giấy chuyển nhượng thửa đất này giữa ông P và Trần Thị H đã lập trước đó nên Trần Thị H có hai giấy chuyển nhượng của hai người cho cùng một thửa đất.

Cuối năm 2008, ông Trần Xuân S có nhu cầu mua đất thì Trần Thị H mang 01 giấy chuyển nhượng thửa đất này do ông P ký tên để chuyển nhượng bán cho ông Trần Xuân S với số tiền 55.000.000 đồng. Hồ sơ thủ tục chuyển nhượng đất giữa Trần Thị H cho ông S gồm: 01 giấy sang nhượng của ông P cho Trần Thị H, 01 giấy chuyển nhượng của H viết chuyển nhượng cho ông S có xác nhận của ông Đinh N (Lúc này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K), 01 bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Xuân S có xác nhận của cán bộ địa chính xã và ông Đinh N. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Sáng đã canh tác hoa màu và hiện đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 400174, CM 400175, CM 400176 ngày 01/3/2018 do Ủy ban nhân dân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp của thửa đất này.

Đến ngày 05/3/2011, anh Đoàn Huy N có nhu cầu mua đất để sử dụng và nhờ ông Phạm Đình S (đã chết) hỏi tìm người cần bán đất để mua. Ông S nhờ và qua giới thiệu của anh Tăng Văn S; anh N; anh Nguyễn Tiến D (đã chết) và chị Đinh Thị H thì biết thông tin Trần Thị H có 01 thửa đất nông nghiệp cần bán. Sau đó, Trần Thị H có dẫn anh D đi xem vị trí thửa đất và nói giá bán thửa đất là 60.000.000 đồng. Trên thực tế đây là thửa đất của ông M. Anh Nguyễn Tiến D tiếp tục dẫn các anh N, S, S và anh N đi xem thửa đất mà Trần Thị H đã chỉ trước đó (lúc này không có mặt Trần Thị H). Sau khi xem đất thì cả 05 người quay về nhà anh S để thỏa thuận giá cả và anh N đồng ý mua thửa đất này (diện tích 1,2ha) với số tiền 60.000.000 đồng. Anh N đã đưa số tiền cọc là 5.000.000 đồng cho anh D và hai bên có viết giấy giao nhận tiền. Khoảng 05 ngày sau, anh N cùng các anh D, S, N, S và Trần Thị H đến nhà anh Nguyễn Tiến D để viết giấy tờ sang nhượng thửa đất này. Trần Thị H đã giao cho anh Nam một giấy sang nhượng đất có xác nhận của ông Đinh N - Chủ tịch xã K và anh D, S là người làm chứng, kèm theo 01 giấy chuyển nhượng của ông N cho Trần Thị H (trên thực tế ông Đ mới là người bán đất cho Trần Thị H, còn ông N chỉ là người chứng kiến). Anh Đoàn Huy N đã giao cho Trần Thị H tổng số tiền là 59.500.000 đồng (giảm bớt cho anh Nam 500.000 đồng). Trần Thị H cho anh D số tiền 2.000.000 đồng, anh N 2.000.000 đồng, anh S 1.000.000 đồng và bỏ ra 500.000 đồng để mua đồ ăn uống. Sau đó, anh N và anh D mang máy cưa lốc đến thửa đất đã mua để cưa cây, dọn dẹp thì ông M đến ngăn cản, thu giữ cưa và yêu cầu N bồi thường số cây gỗ bị chặt hạ là 5.000.000 đồng. Vụ việc được báo cáo đến Công an xã K và qua xác minh đã xác định được thửa đất mà anh N mua của bà H là đất của ông M, còn thửa đất mà Trần Thị H đã bán cho anh N trên thực tế là thửa đất mà trước đó bà H đã bán cho anh Trần Xuân S đang sử dụng. Biết đã bị Trần Thị H lừa nên anh Nlàm đơn trình báo đến Công an huyện Đ đề nghị xử lý.

Ngày 02/12/2011, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đak Đoa đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trần Thị H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi bị khởi tố, Trần Thị Hồng bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 15/12/2011, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định truy nã và ngày 12/4/2022, Trần Thị H bị bắt giữ để xử lý theo quy định.

Về Dân sự:

Bị cáo Trần Thị H anh Trần Duy T là con bị cáo H bồi thường thiệt hại cho phía bị hại số tiền 59.500.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Trần Duy T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đứng ra bồi thường cho bị hại.

Tại Cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 07/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Trần Thị H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh, điều luật và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Không có thu giữ vật chứng nên không xem xét.

- Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và anh Trần Duy T (con trai của Trần Thị H) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp có tại hồ sơ đều phù hợp với quy định của pháp luật. Và hành vi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Vào ngày 05/3/2011, tại xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Trần Thị H đã có hành vi gian dối thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải của Trần Thị H để lừa đảo bán cho anh Đoàn Huy N và đã chiếm đoạt số tiền 59.500.000 đồng.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Thị H có hành vi gian dối, với thủ đoạn bị cáo nói có đất cần bán và chỉ vị trí đất cần bán tại xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, ai mua thì bị cáo bán (nhưng thực tế đây là đất của người khác đang canh tác, sử dụng). Vào ngày 05/3/2011 bị cáo đã lừa bán đất này cho anh Đoàn Huy N và đã chiếm đoạt số tiền 59.500.000 đồng, sau đó anh N phát hiện bị lừa nên đã trình báo cho Công an huyện Đ điều tra xử lý theo quy định. Xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của người khác số tiền 59.500.000 đồng vào ngày 05/3/2011 nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, hành vi của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, sau khi phạm tội Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án nhưng bị cáo đã bỏ trốn (đến ngày 12/4/2022 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã) gây khó khăn cho việc điều tra, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để có mức phạt phù hợp cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với các ông Phạm Đình S (đã chết), Tăng Văn S, anh N, anh Nguyễn Tiến D (đã chết) và chị Đinh Thị H là những người làm trung gian giới thiệu để anh Đoàn Huy N mua đất của Trần Thị H nhưng đất này không phải đất của Trần Thị H để Trần Thị H chiếm đoạt tiền của anh N. Tuy nhiên, những người này đều không biết thửa đất mà Trần Thị H nhờ làm trung gian để chuyển nhượng cho anh N là của người khác, vì bị cáo nói đất này của bị cáo nhờ bán dùm nên không có căn cứ để xử lý đối với những người này là phù hợp.

Đối với ông Đinh N nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kon Gang, huyện Đak Đoa đã trực tiếp ký xác nhận vào tờ giấy chuyển nhượng đất của ông P và ông Đ cho Trần Thị H trên cùng một thửa đất. Hậu quả dẫn đến việc Trần Thị H đã sử dụng một trong hai giấy chuyển nhượng đất nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Mặc dù đây không phải là nguyên nhân của sự việc phạm tội nhưng việc ông Đinh N không cử cán bộ kiểm tra rõ về nguồn gốc đất, thực trạng đất và thời điểm sử dụng đất mà xác nhận vào hai giấy sang nhượng đất là không đúng quy định. Vì vậy, kiến nghị Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đak Đoa có biện pháp xử lý đối với ông Đinh Ntheo quy định. Đồng thời, trong quá trình xác nhận các giấy tờ, thủ tục sang nhượng Quyền sử dụng đất trên địa bàn, cần đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng: Không có thu giữ vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án nên không xem xét.

[7] Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và anh Trần Duy T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại nên không xem xét. Đối với số tiền mà bị cáo đã cho những người giới thiệu để bị cáo bán đất cho anh N (bị cáo Trần Thị H cho anh D số tiền 2.000.000 đồng, anh N 2.000.000 đồng, anh S 1.000.000 đồng), bị cáo không có yêu cầu những người này trả lại số tiền đã cho này nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa